

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 12-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Trần Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/DSST ngày 07 tháng 3 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6126/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1972. Địa chỉ thường trú: Số 38, đường T, Phường L, Quận M, Thành phố H. Địa chỉ tạm trú: Số 40/19/23, Khu phố 1, Đường số T, phường A, quận B, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D), sinh năm 1971. Địa chỉ: Germany.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lưu Kim Ph, sinh năm 1978 (theo giấy ủy quyền số công chứng 008091 quyền số 11/2023TP/CC-SCC-HĐGD ngày 14/11/2023 tại Phòng Công chứng M). Địa chỉ: Số 1287/22, đường H, Phường N, Quận T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/12/2023 của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Ph trình bày:

Ông Ph và bà D là chị em ruột. Trước đây bà D có khởi kiện “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng nhà” trên thửa đất số 531, tờ bản đồ số 270 tại phường A, quận B giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim H và Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B do Tòa án nhân dân quận B thụ lý số 224/2015/DSST ngày 22/7/2015.

Do bà D thường xuyên ở nước ngoài nên vào ngày 29/7/2015 đã ký giấy ủy quyền cho Ông Ph đại diện bà D với tư cách là nguyên đơn để tham gia tố tụng thay cho bà D đối với vụ án này tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, công việc ủy quyền không ghi thù lao, chỉ thỏa thuận miệng. Trong thời gian tham gia giải quyết vụ án bà D có về Việt Nam, giữa bà D và ông có làm “Hợp đồng giao ước” ngày 23/5/2019 nội dung thỏa thuận là bà D sẽ trả cho ông 50% trên tổng số tiền 670.000.000đ (Sáu trăm bảy chục triệu đồng). Nhưng nay bà D lấy được tiền ở bên thi hành án mà không trả công cho ông.

Sau đó phía Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B cũng khởi kiện đối với bị đơn ông Huỳnh Khắc D “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng nhà” trên thửa đất số 531, tờ bản đồ số 270 tại phường A, quận B (ông D là anh trai của bà D và Ông Ph, được ông Th là cha của bà D ủy quyền cho ông D tiến hành thủ tục xin phép xây dựng) theo hồ sơ thụ lý số 357/DSST ngày 09/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H chuyển đến Tòa án nhân dân Thành phố H theo hồ sơ thụ lý số 559/DSST ngày 23/5/2017. Khi vụ án từ Quận M được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố H, vì bà D bị Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bà D đã về Việt Nam tiếp tục ủy quyền cho ông đại diện bà tham gia tố tụng trong vụ án theo văn bản ủy quyền số công chứng 23200 ngày 24/9/2018 tại Phòng Công chứng B, công việc ủy quyền không ghi thù lao. Ngày 30/10/2018 bà D có làm thỏa thuận với ông để giúp bà D giải quyết vụ án này cho đến khi vụ án kết thúc hoặc Tòa án ra quyết định đình chỉ không còn tranh chấp nữa, bà D sẽ trả ông hàng tháng là 5.000.000 đồng. Ông vẫn thực hiện công việc theo giấy ủy quyền mà không thấy bà D trả cho ông 5.000.000 đồng mỗi tháng như trong giấy thỏa thuận, ông có điện thoại hỏi bà D tại sao không trả tiền hàng tháng cho ông thì bà D nói khi Tòa án ra quyết định đình chỉ không còn tranh chấp nữa và lấy tiền bên vụ án “Tranh chấp đòi tài sản” là bà sẽ trả cho ông luôn một lúc, ông nghe bà nói vậy nên an tâm tiếp tục thực hiện các công việc được ủy quyền.

Nhưng sau khi 02 vụ án kết thúc, vụ thứ nhất bà D đã nhận được số tiền 670.000.000 đồng, vụ thứ hai đã đình chỉ theo Quyết định số 290/2022/QĐST-DS ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố H thì ông không liên lạc được với bà D, điện thoại bà D không nghe máy, ông có nhờ người quen nhắn hỏi thì bà D nói có gì khởi kiện ra Tòa án.

Đến nay, Ông Ph chưa nhận được khoản tiền thù lao nào từ bà D. Ông Ph yêu cầu Bà D phải trả cho Ông Ph tổng số tiền thù lao cho 02 vụ án mà bà D ủy quyền cho ông làm người đại diện là 543.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) có người đại diện là bà Lưu Kim Ph trình bày:

Về vụ án "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng" trên thửa đất số 517, tờ bản đồ số 270, phường A, quận B, Thành phố H theo hồ sơ thụ lý số 224/2015/DSST ngày 22/07/2015 giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy Dung với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim H tại Tòa án nhân dân Thành phố H.

Ngày 29/07/2015, bà D có làm giấy ủy quyền cho ông Huỳnh Tấn Ph để ông đại diện thay mặt bà tham gia tố tụng cho đến khi Tòa án ra bản án quyết định

kết thúc không còn tranh chấp nữa (vì thời điểm đó công việc và điều kiện không cho phép bà D trực tiếp về Việt Nam tham gia tố tụng). Trong khoảng thời gian tham gia tố tụng ông Huỳnh Tấn Ph có yêu cầu bà D tạm ứng trước cho Ông Ph 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), ngày 12/10/2015 bà D đã chuyển khoản cho Ông Ph và Ông Ph cũng đã nhận tiền vào ngày 13/10/2015 (có phiếu chuyển tiền và phiếu nhận tiền đính kèm). Sau khi nhận được tiền Ông Ph vẫn thay mặt bà D tiếp tục tham gia tố tụng cho đến năm 2019 Ông Ph ép buộc bà D phải viết cho ông bản Hợp đồng giao ước trả cho ông 50% trên tổng số tiền 670 triệu đồng nếu không viết thì ông sẽ bỏ không làm nữa, nên ngày 23/05/2019, bà D đã viết Hợp đồng giao ước cho ông Huỳnh Tấn Ph với điều kiện Ông Ph phải lấy lại đúng số tiền 671 triệu đồng cộng lãi suất tính theo ngân hàng, tiền tạm ứng án phí và phí thẩm định thì mới được bà D trả cho 50% trên số tiền 670.000.000 đồng, Ông Ph đã đồng ý và ký tên (vì trước khi khởi kiện Ông Ph hứa với bà D sẽ lấy lại hết số tiền bà D đã mất trong vụ này nên bà D đồng ý khởi kiện).

Ngày 19/06/2019, Bản án số 657/2019/DS-ST của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm ra không đúng như sự mong đợi của bà D và giữa hai bên đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng giao ước ngày 23/05/2019 nêu trên, nên bà D không đồng ý và đã yêu cầu Ông Ph phải tiếp tục làm kháng cáo lên Tòa án Cấp cao, nhưng Ông Ph không chịu và bỏ ngang, chấm dứt không liên lạc với bà D nữa, buộc bà D phải thuê Luật sư để tiếp tục làm kháng cáo lên Tòa án Cấp cao. Ngày 22/06/2019, bà D đã ký Hợp đồng dịch vụ với Luật sư Phạm Anh T và làm giấy ủy quyền cho Ông T thay mặt bà D tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án Nhân dân Thành phố H và Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố H. Ngày 24/06/2019, ông Phạm Anh T đã thay mặt bà D nộp đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H. Kể từ ngày 20/06/2019, ông Huỳnh Tấn Ph không còn là người đại diện theo ủy quyền của bà D. Lý do tại sao Ông Ph có tên trong bản án kết thúc vụ kiện vì ông chỉ tham gia với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị H (đã chết) là mẹ của bà D và Ông Ph đang đứng tên dùm bà D thửa đất số 517, tờ bản đồ số 270, phường A, quận B, Thành phố H.

Ông T tham gia tố tụng kể từ ngày 22/06/2019 đến ngày 21/02/2020 cho nên ông Huỳnh Tấn Ph buộc bà D trả tiền cho Ông Ph, bà D không chấp nhận vì: Thứ nhất ông Huỳnh Tấn Ph không làm đúng theo yêu cầu giữa bà D với Ông Ph đã ghi trong Hợp đồng giao ước ngày 23/05/2019, thứ hai Ông Ph đơn phương bỏ ngang không tiếp tục hợp tác cho đến khi kết thúc vụ án.

Về vụ án “tranh chấp hợp đồng xây dựng” trên thửa đất số 531, tờ bản đồ số 270 tại phường A, quận B theo hồ sơ thụ lý số 357/DSST ngày 09/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H chuyển đến Tòa án nhân dân Thành phố H theo hồ sơ thụ lý số 559/DSST ngày 23/05/2017 giữa nguyên đơn Công ty TNHH tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B với bị đơn ông Huỳnh Khắc D và bà D là người có liên quan

Ngày 24/09/2018, bà D có làm giấy ủy quyền cho ông Huỳnh Tấn Ph để ông đại diện thay mặt bà D tham gia tố tụng vụ án này. Giấy ủy quyền ghi ngày 16/05/2015 không có liên quan gì với hồ sơ số 559/DSST. Ngày 30/10/2018, bà D có làm bản thỏa thuận nhờ ông Huỳnh Tấn Ph giúp bà D giải quyết vụ kiện dân sự

số 559/DSST ngày 23/05/2017 tại Tòa án nhân dân Thành phố H cho đến khi kết thúc với số tiền thù lao mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Nhưng từ khi Ông Ph bỏ ngang công việc không tham gia tố tụng từ vụ kiện ở giai đoạn phúc thẩm nêu trên, thì vụ kiện "tranh chấp hợp đồng xây dựng" trên thửa đất số 531, tờ bản đồ số 270 tại phường A, quận B này Ông Ph cũng bỏ không tham gia kể từ ngày 20/06/2019. Chính vì Ông Ph không hợp tác nên ngày 17/01/2020 bà D phải về ký Hợp đồng dịch vụ ủy quyền cho ông Phạm Anh T đại diện thay mặt bà D tiếp tục tham gia vụ kiện "tranh chấp hợp đồng xây dựng" theo hồ sơ thụ lý số 559/DSST ngày 23/05/2017 cho đến khi kết thúc ra bản quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 290/2022/QDST - DS của Tòa án nhân dân Thành phố H. Cho nên Ông Ph không có tư cách để buộc bà D trả tiền cho Ông Ph vì từ ngày 20/06/2019 Ông Ph hoàn toàn không liên lạc với bà D bằng bất cứ hình thức nào. Nay Bà D yêu cầu phản tố buộc Ông Ph:

Trả lại cho bà D số tiền 200.000.000 đồng mà bà D đã tạm ứng cho Ông Ph kèm tiền lãi phát sinh từ thời điểm nhận tiền ngày 13/10/2015 cho đến hiện tại là: $200.000.000 \times 6,5\% \times 8 \text{ năm} = 104.000.000 \text{ đồng}$

Trả lại cho bà D số tiền 140.000.000 đồng mà bà D phải trả cho luật sư để tiếp tục 02 vụ kiện "Tranh chấp đòi lại tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" mà Ông Ph đã nêu trong đơn khởi kiện. Tổng số tiền bà D yêu cầu Ông Ph trả lại là 444.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn rút lại một phần yêu cầu phản tố về việc buộc Ông Ph trả lại cho bà D số tiền 140.000.000 đồng mà bà D phải trả cho luật sư để tiếp tục 02 vụ kiện mà Ông Ph đã nêu trong đơn khởi kiện và rút lại phần yêu cầu Ông Ph trả lãi phát sinh trên số tiền 200.000.000 đồng là 104.000.000 đồng. Bà D chỉ yêu cầu Ông Ph trả lại cho bà D số tiền 200.000.000 đồng mà bà D đã tạm ứng cho Ông Ph

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét thấy, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Ph khởi kiện yêu cầu buộc bà D phải trả cho Ông Ph số tiền 50% trong vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản" 670.000.000 đồng : 2 = 335.000.000đ (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) là không có căn cứ đề nghị Tòa không chấp nhận phần yêu cầu này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà D phải trả cho Ông Ph số tiền thù lao mà bà D ủy quyền cho Ông Ph tham gia tố tụng trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng xây dựng" là 5.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày 18/3/2022 là 208.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn buộc Ông Ph phải trả lại bị đơn số tiền tạm ứng là 200.000.000 đồng do bị đơn không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng giao ước đã ký ngày 23/5/2019.

Đề nghị đình chỉ phần yêu cầu phản tố do bị đơn đã rút đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp

Xét, đơn khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng ủy quyền” của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Ph. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Điều 469, Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Ph yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) phải trả cho nguyên đơn số tiền thù lao khi bà D nhờ Ông Ph làm người đại diện hợp pháp cho bà D tham gia tố tụng trong 02 vụ kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng theo như nội dung mà các bên đã cam kết như các bên đã trình bày nêu trên.

Xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện trong quá trình thi công xây dựng nhà bà D đã đưa cho bà Huỳnh Thị Kim H 550.000.000 đồng để bà Hoàng cùng chồng là ông Nguyễn Thanh B giám đốc Công ty TNHH tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B thi công xây mới căn nhà tại thửa đất số 531 và 517 tờ bản đồ số 270 phường H, quận B Thành phố H do ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị H là cha mẹ ruột của bà D đứng tên giùm bà D trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà số BU808818 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 28/5/2014. Trong quá trình xây dựng phía ông Bình, bà Hoàng đã xây dựng không đúng theo giấy phép xây dựng, sai thiết kế, bà D yêu cầu làm lại nhưng ông Bình không làm lại đồng thời ngưng thi công công trình chính vì vậy bà D đã khởi kiện yêu cầu bà Hoàng và Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B trả lại bà D số tiền 671.500.000 đồng và bồi thường thiệt hại trên số tiền đã nhận theo mức lãi suất ngân hàng quy định tính từ ngày 17/2/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2019 là 575.923.000 đồng và buộc Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng khôi phục lại tình trạng ban đầu. Do bà D ở nước ngoài nên đã ủy quyền cho ông Huỳnh Tấn Ph là em trai của bà D đại diện bà D tham gia tố tụng tại Tòa.

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 26/8/2015 do bà D ký tại Ủy nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân phú, Thành phố H thể hiện bà D ủy quyền cho Ông Ph được quyền đại diện và thay mặt bà D liên hệ với Tòa án nhân dân thành phố H, Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan có thẩm quyền để tham gia tố tụng giải quyết vụ án tranh chấp đòi tài sản với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim H và Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B.

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 24/9/2018 giữa bà D và Ông Ph ký tại Phòng Công chứng B thể hiện bà D ủy quyền cho Ông Ph được quyền đại diện và thay mặt bà D liên hệ với Tòa án nhân dân Thành phố H, Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan có thẩm quyền để tham gia tố tụng giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng với nguyên đơn là Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B. Sau đó ngày 30/10/2018 giữa bà D và Ông Ph đã ký Bản thỏa thuận theo đó hai bên thỏa thuận về việc bà D trả tiền thù lao hàng tháng vì bà D nhờ Ông Ph tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của bà D mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ ngày 30/10/2018 cho đến khi vụ án kết thúc hoặc Tòa ra quyết định đình chỉ không còn tranh chấp.

Căn cứ Hợp đồng giao ước ngày 23/5/2019 giữa bà D và Ông Ph thể hiện bà D để Ông Ph đại diện bà với tư cách là nguyên đơn trong vụ án kiện đòi tài sản tại số 270 phường A, quận B do cha bà D là ông Huỳnh Văn Th đứng tên giùm với điều kiện Ông Ph phải đòi lại được số tiền 671.000.000 đồng cộng với lãi suất tính theo ngân hàng từ khi khởi kiện cho đến khi Tòa ra bản án

Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 657/219/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H thì Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 671.000.000 đồng không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 290/2022/QĐST-DS ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Với những chứng cứ viện dẫn nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định việc bà D ủy quyền cho Ông Ph đại diện bà D tham gia tố tụng trong 02 vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy Dung với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim H và Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B và vụ kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B với bị đơn ông Huỳnh Khắc D và người liên quan là bà D là có thật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền, nhận thấy phía Ông Ph đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người được ủy quyền đối với vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng do bà D là nguyên đơn, thể hiện Ông Ph đã tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ kiện, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 657/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D buộc Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất B trả lại số tiền 671 triệu đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi. Từ đây

bà D kháng cáo đồng thời bà D lại ký hợp đồng dịch vụ với ông Phạm Anh T ngày 22/6/2019. Tại Biên bản giao nhận ngày 24/6/2019 do Tòa án nhân dân Thành phố H lập thể hiện nội dung Tòa án đã nhận từ ông Phạm Anh T là người đại diện theo ủy quyền của bà D 01 đơn kháng cáo ngày 22/6/2019, thông báo hủy ủy quyền đối với ông Huỳnh Tấn Ph lập ngày 22/6/2019 và 01 Giấy ủy quyền cho ông Phạm Anh T ngày 22/6/2019 tại Văn phòng Công chứng A.

Căn cứ Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc bà D ra thông báo hủy ủy quyền chính là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với Ông Ph nhưng không thông báo trước thời gian hợp lý cho Ông Ph biết. Nhận thấy trong hợp đồng ủy quyền giữa các bên không thỏa thuận về thù lao nhưng trên thực tế các bên lại ký giấy tay thể hiện qua Hợp đồng giao ước ngày 23/5/2019 và Bản thỏa thuận ngày 30/10/2018 đã chứng minh việc bà D ủy quyền cho Ông Ph có thỏa thuận trả thù lao. Do đó, trong trường này, căn cứ khoản 1 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015 bà D có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không cần phải báo trước cho phía Ông Ph nhưng phải trả thù lao cho Ông Ph là bên được ủy quyền tương đương với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và phải bồi thường thiệt hại (nếu có).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Ph về việc đòi số tiền thù lao 335.000.000 đồng.

Đối chiếu với vụ án tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng do bà D là nguyên đơn thì Ông Ph thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người được ủy quyền từ khi được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý cho đến khi kết thúc việc xét xử sơ thẩm thể hiện qua bản án dân sự sơ thẩm số 657/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H. Như vậy, Ông Ph khởi kiện yêu cầu bà D phải trả thù lao cho Ông Ph là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong hợp đồng giao ước lập ngày 23/5/2019 thể hiện nội dung thỏa thuận trả thù lao giữa bà D và Ông Ph là một thỏa thuận có điều kiện, việc bà D chỉ phải trả thù lao cho Ông Ph khi và chỉ khi Ông Ph đòi được số tiền 671 triệu đồng cộng với lãi suất phát sinh thì bà D mới trả cho Ông Ph 50% số tiền nêu trên. Việc thỏa thuận này cũng được Ông Ph thừa nhận thể hiện qua lời khai của Ông Ph khuyên bà D không nên kháng cáo vì không có chứng cứ thì Tòa cấp phúc thẩm cũng xử bác yêu cầu kháng cáo và Ông Ph cũng biết việc bà D ký hợp đồng ủy quyền cho ông Phạm Anh T là người đại diện cho bà D tham gia tố tụng ở cấp phúc thẩm. Từ căn cứ phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ông Ph về việc buộc bà D phải trả cho Ông Ph 335.000.000 đồng tương đương với 50% trong số tiền 670.000 đồng mà bà D đã được Tòa án chấp nhận theo Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2020/DS-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H là không có căn cứ, vì tại Bản án này quyết định không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà D.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện đòi trả số tiền thù lao 5.000.000 đồng/tháng từ thời điểm 30/10/2018 đến ngày 18/3/2022 là 41 tháng 18 ngày là 208.000.000 đồng.

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày 30/10/2018 giữa bà D và Ông Ph thể hiện bà D nhờ Ông Ph đại diện bà D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan giải quyết các tranh chấp về việc thi công xây dựng do nguyên đơn là Công ty TNHH Tư vấn – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất B khởi kiện, Ông Ph sẽ được nhận số tiền thù lao mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ ngày 30/10/2018 cho đến khi kết thúc hoặc Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 18/3/2022 Tòa án nhân dân thành phố H đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do nguyên đơn Công ty TNHH Tư vấn – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất B đã rút đơn khởi kiện. Việc bà D cho rằng Ông Ph tự ý bỏ ngang công việc từ ngày 20/6/2019 nên bà D mới ủy quyền cho Ông T vào tháng 7/2020 là không có căn cứ, vì bà D không có chứng cứ gì chứng minh Ông Ph bỏ ngang công việc đại diện theo ủy quyền của bà D, thể hiện qua việc bà D không thông báo về việc hủy hợp đồng ủy quyền với Ông Ph ngay sau khi bà D ủy quyền cho Ông T, việc này được thể hiện tại Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 4758/TB-TA ngày 7/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố H trong vụ án tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng thụ lý số 559/DSST ngày 23/5/2017 các đương sự có mặt tại Tòa án vào lúc 9 giờ ngày 26/5/2021 để tham gia phiên họp, trong đó thể hiện người đại diện theo ủy quyền của bà D là Ông Ph và Ông T. Do bà D không thông báo hủy hợp đồng và cũng không có văn bản nào thể hiện đã hủy hay đơn phương chấm dứt hợp đồng với Ông Ph nên hợp đồng ủy quyền giữa bà D và Ông Ph đã ký ngày 24/9/2018 vẫn có hiệu lực ngay cả sau khi bà D ký hợp đồng ủy quyền với Ông T một thời gian dài.

Như đã phân tích nêu trên cho thấy, việc bà D hủy hợp đồng là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với Ông Ph nhưng không chứng minh được Ông Ph vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng ủy quyền nên bà D phải trả thù lao cho Ông Ph do hành vi đơn phương này. Từ những căn cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của Ông Ph, buộc bà D phải trả cho Ông Ph số tiền thù lao là 208.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bà D yêu cầu Ông Ph phải trả 200.000.000 đồng mà bà D đã ứng trước cho Ông Ph và số tiền lãi phát sinh trên số tiền này tính từ ngày nhận tiền 13/10/2015 cho đến hiện tại tạm tính là 8 năm với mức lãi suất 6,5%/năm = 104.000.000 đồng do Ông Ph không thực hiện nghĩa vụ của người được ủy quyền khi đại diện bà D tham gia tố tụng trong 02 vụ án thụ lý số 224/2015/DSST ngày 22/7/2015 và vụ án thụ lý số 559/2017/DSST ngày 23/5/2017 và phải trả lại cho bà D 140.000.000 đồng mà bà D đã phải trả cho luật sư để tiếp tục tham gia 02 vụ kiện này. Tổng số tiền bà D yêu cầu Ông Ph phải trả là 444.000.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa phía đại diện bị đơn đã rút lại một phần yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử thấy việc rút lại yêu cầu là tự nguyện nên đình chỉ đối với phần yêu cầu Ông Ph phải trả lại cho bà D 140.000.000 đồng mà bà D phải trả cho luật sư để tiếp tục tham gia 02 vụ kiện và số tiền lãi phát sinh trên số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày nhận tiền 13/10/2015 cho đến hiện tại, tạm tính là 08 năm với mức lãi suất 6,5%/năm = 104.000.000 đồng

[3.] Xét yêu cầu phản tố yêu cầu Ông Ph trả lại cho bà D 200.000.000 đồng tiền tạm ứng thù lao. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà D chuyển khoản

cho Ông Ph 200.000.000 đồng vào ngày 12/10/2015 là có thật, bởi chính Ông Ph cũng thừa nhận đã nhận chuyển khoản số tiền này từ bà D nhưng Ông Ph nại ra lý do cho rằng số tiền này không phải là tiền thù lao bà D ứng trước cho Ông Ph, mà số tiền này bà D mượn của ông Huỳnh Văn Th (là cha ruột của các ông bà) để bà D mua hàng gửi ra nước ngoài. Số tiền 200.000.000 đồng này là của ông Th khi bà D gửi lại thì nhờ Ông Ph gửi vào Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ T cùng với số tiền của Ông Ph mục đích để gửi lãi cao hơn lãi ngân hàng, sau này ông Th được nhận lại tiền gốc và có thêm tiền lãi để dưỡng già. Xét thấy, lời khai này của Ông Ph không được phía bị đơn thừa nhận, Ông Ph cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà D vay của ông Th hay nhờ ông gửi tiền vào Công ty T để lấy lãi cao cho ông Th mà không phải là tiền tạm ứng trả thù lao. Từ nhận định phân tích trên Hội đồng xét xử xác định số tiền 200.000.000 đồng này là tiền bà D tạm ứng tiền thù lao ủy quyền như đã được nhận định tại mục [2.2]. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu phản tố này của bà D, buộc Ông Ph phải trả lại cho bà D 200.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 16.750.000 đồng và phải chịu án phí trên số tiền phải trả lại bà D là 10.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.860.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004257 ngày 28/02/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Ph còn phải nộp 13.890.000 đồng.

Bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ông Ph là 10.400.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.880.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/ 0001131 ngày 08/12/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố H. Hoàn lại bà D số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 480.000 đồng

Về các chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn đều được chấp nhận một phần nên hai bên cùng phải chịu mỗi bên 50% chi phí tố tụng nêu trên.

Xét thấy, Ông Ph đã nộp các khoản tạm ứng chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định cụ thể là chi phí ủy thác tư pháp, gồm có: 3.000.000 đồng theo phiếu thu số 203 ngày 23/5/2023; 3.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0000001 ngày 23/5/2023 và 200.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu: 02AC-22P số: 0015904 ngày 23/5/2023 do Cục Thi hành án dân sự Thành phố H lập. Tổng số tiền Ông Ph đã nộp tạm ứng là: 6.200.000 đồng. Như vậy, bà D phải hoàn trả cho Ông Ph $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí ủy thác tư pháp là 3.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 154 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) về việc buộc Ông Ph phải trả cho bà D số tiền lãi trên số tiền thù lao ứng trước là 104.000.000 đồng và phải trả lại cho bà D 140.000.000 đồng mà bà D phải trả cho luật sư để tiếp tục tham gia 02 vụ kiện, do bà D rút yêu cầu phản tố.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Ph về việc buộc bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) phải trả cho Ông Ph số tiền thù lao là 335.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Ph, buộc bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) phải trả cho Ông Ph số tiền thù lao là 208.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu đồng).

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D), buộc ông Huỳnh Tấn Ph phải trả cho bà D số tiền thù lao mà bà D ứng trước cho Ông Ph là 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi (tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong) của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Tấn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 16.750.000 đồng và phải chịu án phí trên số tiền phải trả lại bà D là 10.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.860.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004257 ngày 28/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Ph còn phải nộp 13.890.000 (mười ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn) đồng.

Bà Bùi Thị Thùy D (Huỳnh Thị Thùy D) phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ông Ph là 10.400.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.880.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0001131 ngày 08/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Hoàn lại bà D số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 480.000 (bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

5/ Về các chi phí tố tụng: Do Ông Ph đã nộp tạm ứng các khoản chi phí tố tụng là 6.200.000 đồng. Mỗi bên phải chịu 3.100.000 đồng. Như vậy, buộc bà D phải hoàn trả cho Ông Ph 3.100.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

6/ Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy